

KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
TRẺ 5 - 6 TUỔI - NĂM HỌC 2024 - 2025
(Kèm theo kế hoạch số 212 ngày 6 tháng 9 năm 2024)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Tuần
1	Trường mầm non- Bé vui đón tết trung thu (3 Tuần)	- Trường mầm non thân yêu	1	Từ ngày 9/9 -13/9/2024
		- Vui hội trung thu	2	Từ ngày 16/ 9 - 20/9/2024
		- Lớp học của bé	3	Từ ngày 23 / 9 - 27 / 9/2024
2	Bản thân-Ngày hội 20/10 (4 Tuần)	- Bé tự giới thiệu về mình	4	Từ ngày 30/ 9 - 4 /10/2024
		- Giới tính của bé	5	Từ ngày 7 /10 - 11/10 /2024
		- Lời nói yêu thương ngày 20/10	6	Từ ngày 14/10 - 18/10/2024
		- Bé lớn lên như thế nào	7	Từ ngày 21/10/ - 25/10/2024
3	Gia đình thân yêu Ngày hội của cô giáo 20/11 (4 Tuần)	- Mời bạn đến thăm gia đình tôi	8	Từ ngày 28/ 10/ - 1/11/2024
		- Đồ dùng trong gia đình	9	Từ ngày 4/11/ - 8/11/2024
		- Nhu cầu gia đình bé	10	Từ ngày 11/11/ - 15/11/2024
		- Ngày hội của cô 20/11	11	Từ ngày 18/11/ - 22/11/2024
4	Lớn lên bé thích làm nghề gì? (5 Tuần)	- Cô thợ may	12	Từ ngày 25/11/ - 29/11/2024
		- Làm bác sĩ	13	Từ ngày 2/12 / - 6/12/2024
		- Nghề xây dựng	14	Từ ngày 9/12/ - 13/12/2024
		- Cháu yêu chú bộ đội 22/12	15	Từ ngày 16/12/ - 20/12/2024
		- Nghề Đánh cá	16	Từ ngày 23/12/ - 27/12/2024
5	Thế giới thực vật - Tết và	- Bé yêu cây xanh	17	Từ ngày 30/12/ - 3/1 /2025

	mùa xuân (5 Tuần)	- Một số loại rau	18	Từ ngày 6 /1 - 10/1/2025
		- Những bông hoa đẹp	19	Từ ngày 13/1- 17/1 /2025
		- Tết và mùa xuân	20	Từ ngày 20/1 - 24/1/2025
		- Nghi tết và một số hoạt động sau tết		Từ ngày 27/1 - 7/2/2025
		- Một số loại quả	21	Từ ngày 10/ 2 - 14/2 /2025
6	6. Phương tiện và QĐGT- Bé vui ngày hội 8/3 (4 Tuần)	- Phương tiện và quy định giao thông đường bộ- Đường sắt (2 tuần)	22	Từ ngày 17 /2 - 21/2/2025
			23	Từ ngày 24/2- 28/2/2025
		- Bé vui ngày hội 8/3	24	Từ ngày 3 /3 - 7/3/2025
		- Phương tiện và qui định giao thông đường thủy và đường hàng không	25	Từ ngày 10/ 3 - 14/ 3/2025
7	7. Những con vật đáng yêu- (4 tuần)	- Động vật nuôi trong gia đình	26	Từ ngày 17/3 - 21/ 3/2025
		- Động vật sống dưới nước	27	Từ ngày 24/3 - 28/ 3/2025
		- Động vật sống trong rừng	28	Từ ngày 31/3 - 4/4/2025
		-Thế giới côn trùng và các loài chim	29	Từ ngày 7/4 - 11/4/2025
8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên (3 Tuần)	- Bé biết gì về nước	30	Từ ngày 14/4 - 18/4 /2025
		- Một số hiện tượng tự nhiên	31	Từ ngày 21/4 - 25/4/2025
		- Mùa hè tuyệt vời	32	Từ ngày 28/4 - 2/5/2025
9	Quê hương Đất nước Bác Hồ Trường tiểu học (3 Tuần)	- Đất nước Việt nam tươi đẹp	33	Từ ngày 5/5 - 9/5 /2025
		- Mừng sinh nhật Bác Hồ kính yêu	34	Từ ngày 12/5 - 16/ 5/2025
		- Trường tiểu học	35	Từ ngày 19/5- 23/5/2025
Cộng			35 tuần	

**KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ
ĐỘ TUỔI: 5 - 6 TUỔI**

Nội dung	Phương pháp, hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
<p>1. Tổ chức bữa ăn</p>	<p>a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Tỷ lệ năng lượng khuyến nghị do bữa ăn bán trú cung cấp so với nhu cầu cả ngày là 50-55%. Trong đó: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: <ul style="list-style-type: none"> + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo 	<p>CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh</p>	

nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 tuần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống.

b. Chăm sóc bữa ăn

** Trước khi ăn:*

- Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,...

- Cho trẻ tự kê bàn ăn, trải khăn, sắp ghế theo nề nếp.

- Tổ chức cho trẻ tự rửa tay bằng xà phòng, lau mặt trước khi ăn.

- Cho trẻ đi vệ sinh nếu có nhu cầu.

** Trong khi ăn:*

- Giáo viên thực hiện nhiệm vụ chia cơm cho trẻ.

- Sau khi chia xong, thức ăn chuyển cho trẻ ăn phải có nhiệt độ phù hợp, không được quá nóng sẽ gây bỏng trẻ. Vào mùa đông, cần đảm bảo giữ nhiệt độ thức ăn còn ấm cho đến thời điểm trẻ ăn.

- Trẻ xếp hàng nhận cơm, sau đó đi về chỗ ngồi đã được phân công để ăn.

- Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy.

- Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ.

	<ul style="list-style-type: none"> - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ * <i>Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghé vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp. - Cho trẻ vận động nhẹ nhàng sau bữa ăn để phòng tránh trào ngược thức ăn. 		
<p>2. Tổ chức giấc ngủ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). * <i>Trước lúc cho trẻ ngủ:</i> - Sau khi cô lau xong sàn nhà, cháu có thể tham gia chuẩn bị đồ dùng để ngủ như trải sạp ngủ, đi lấy gối, chăn... - Cô sắp xếp phòng ngủ gọn gàng sạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhóm/ lớp - Nhân viên nấu ăn 	

sẽ, yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, phòng ngủ được giảm ánh sáng bằng cách đóng bớt 1 số cửa, tắt bớt đèn.

- Kiểm tra xem trẻ đã vệ sinh răng miệng, uống nước chưa, có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen đánh răng, uống nước trước khi đi ngủ.

- Cho trẻ đi vệ sinh trước khi ngủ giúp trẻ ngủ ngon hơn, không dậy đi vệ sinh giữa chừng ảnh hưởng đến giấc ngủ của trẻ và trẻ bên cạnh.

- Cởi bớt quần áo nếu cần (đối với mùa đông).

- Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp.

- Sau bữa ăn trưa khoảng 30 phút cô có thể cho trẻ lên ngủ.

*** Trong khi ngủ**

- Trẻ khó ngủ, trẻ yếu cho nằm riêng gần cô

- Trẻ béo phì cho nằm cách xa các bạn khác

- Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ.

- Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác.

- Cô giáo nên cho trẻ nghe hát ru hay nhạc nhẹ giúp trẻ dễ ngủ hơn.

*** Sau khi thức dậy**

- Cho trẻ thức dậy lần lượt. Cho trẻ tập một số động tác nhẹ nhàng sau khi thức giấc. Giúp trẻ lấy lại cân bằng, tỉnh táo hơn. Đặc biệt mùa đông tập nhẹ nhàng sau khi thức dậy giúp cơ thể trẻ ấm hơn sau khi ra khỏi chăn.

	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ. 		
<p>3. Tổ chức vệ sinh</p>	<p>a. Vệ sinh cô:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm <p>b. Vệ sinh cá nhân trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm nhắc phụ huynh vệ sinh sạch sẽ cho trẻ hàng ngày, đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết. - Trong trường hợp trẻ lỡ bậy bẩn giáo viên phải tắm, rửa cho trẻ sạch sẽ. Đặc biệt mùa đông khi tắm, rửa cho trẻ phải 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên và học sinh. - Học sinh 	

<p>sử dụng nước ấm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời điểm dịch bệnh covid đang diễn ra phức tạp yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ rửa tay sát khuẩn; Cho trẻ đánh răng; Giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa, đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng. <p>c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp</p> <p><i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chắt tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Khăn mặt của trẻ hằng ngày giặt bằng xà phòng diệt khuẩn, hấp/sấy bằng tủ chuyên dụng hoặc phơi khô. Với các cơ sở giáo dục mầm non không có tủ hấp/sấy chuyên dụng, mỗi tuần giặt khăn bằng nước nóng ít nhất 2 lần. Thời điểm có nguy cơ dịch bệnh, mỗi ngày đều phải giặt khăn bằng nước nóng. - Đối với bàn, ghế, sạp ngủ hằng ngày lau bằng khăn ẩm, cuối tuần vệ sinh bằng xà phòng, phơi nắng tùy theo điều kiện thực tiễn. Rửa ngay khi dính phân, nước tiểu của trẻ; - Chăn gói được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhân viên nhà bếp, học sinh và phụ huynh. 	
---	---	--

	<p>một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bệt vệ sinh của trẻ dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo). <p><i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khàn ố màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt. 		
4. Tổ chức	a. Chăm sóc sức khỏe		

<p>chăm sóc sức khỏe và an toàn</p>	<p><i>* Khám sức khỏe</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; <p>Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe</p> <p><i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng và chiều cao 3 tháng/1 lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. - Trẻ từ 61 đến 78 tháng tuổi theo dõi 3 loại biểu đồ: Ngoài việc theo dõi biểu đồ đánh giá về cân nặng, chiều cao thì có biểu đồ BMI (<i>Lưu ý trẻ đủ 61 tháng tuổi trở lên mới theo dõi chỉ số BMI năm 2 lần vào tháng 12/2023 và tháng 3/2024</i>). Đây là nội dung quan trọng ảnh hưởng đến phát triển thể chất sau này nên cần phải thực hiện chính xác trong thực hiện cân, đo cho trẻ <p><i>b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ quản lý - Giáo viên phụ trách nhóm lớp - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh 	
--	--	---	--

huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng.

- Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi tại trường nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường.

c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm

- Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đường hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy.

- Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau:

+ Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%).

+ Thuốc hạ sốt.

+ OERSOL.

+ Thuốc nhỏ mắt trẻ em

+ Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương.

+ Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao.

Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc.

Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế.

Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên.

d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một

	<p><i>số tai nạn thường gặp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ. 		
<p>5. Chăm sóc trẻ khuyết tật (nếu có)</p>	<p>Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm HS cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp + Khả năng nhận thức + Quan hệ xã hội + Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập. 	<ul style="list-style-type: none"> - CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng 	

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ 5-6 TUỔI

Mục tiêu	Nội dung
1. Phát triển thể chất	
a. GD dinh dưỡng- sức khỏe	
<p>1. Chiều cao cân nặng của trẻ phát triển bình thường theo độ tuổi</p> <p>Trẻ khoẻ mạnh, cơ thể phát triển cân đối, cân nặng đạt:</p> <p>Trẻ trai:</p> <p>+ Cân nặng từ 16 - 26.6 kg</p> <p>+ Chiều cao từ 106.4 - 125.8 cm</p> <p>Trẻ gái :</p> <p>+ Cân nặng từ 15 - 26.2 kg</p> <p>+ Chiều cao từ 104.8 - 124.5 cm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn uống đủ chất dinh dưỡng hợp lý - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Cân đo, theo dõi qua biểu đồ tăng trưởng - Khám sức khoẻ định kỳ. - Chế độ, bài tập để phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
<p>2. Trẻ biết được một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe, không ăn, uống một số thứ hại cho sức khỏe</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: + Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... - Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - Ăn nhiều loại thức ăn có lợi cho sức khỏe, ăn chín, uống nước đun sôi để nguội; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe -KNS:Những thức ăn, đồ uống có Hại với cơ thể bé
<p>3. Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống và vệ sinh phòng bệnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vỡ thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. * Một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: + Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. + Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. + Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc

	<p>sốt....</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đeo khẩu trang, che miệng khi ho, hắt hơi. +Đi vệ sinh đúng nơi quy định. +Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhỏ bậy ra lớp.
<p>4. Trẻ thực hiện một số việc đơn giản: Tự vệ sinh cá nhân và tự phục vụ bản thân</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. Tự mặc trang phục phù hợp với thời tiết, lao động tự phục vụ - Tập làm công việc tự phục vụ: Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Cài, cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây. - Tự xúc cơm ăn gọn gàng, tự xới cơm, chan canh vào bát, biết lấy cốc rót nước uống không tràn ra ngoài. - GDKNS: Kỹ năng tự phục vụ: Gấp quần áo - GDKNS: Kỹ năng gấp chăn gọn gàng
<p>5 Trẻ biết một số nguy cơ và một số trường hợp không an toàn, không chơi những nơi mất vệ sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm biết gọi số điện thoại gia đình người thân, hỏi, gọi khi bị lạc. 	<ul style="list-style-type: none"> * Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. +Không thò tay và ổ điện, bàn là khi đang nóng, phích nước nóng +Không leo trèo bàn ghế, lan can +Không cười đùa khi ăn uống, không tự ý lấy thuốc uống + Không ăn quả lạ gây ngộ độc, không nên uống rượu bia- cà phê. + Nhà vệ sinh, hố rác, chuồng nuôi con vật không có rào chắn an toàn.. + Phân biệt được nơi bẩn và sạch. + Phân biệt được nơi nguy hiểm (gần hồ / ao / sông / suối/ vực/ ổ điện...) và không nguy hiểm. + Chơi ở nơi sạch và an toàn * Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. +Có cháy, có người bị rơi xuống nước, ngã chảy máu. Chờ người giúp đỡ khi bị lạc nói được tên địa chỉ gia đình số điện thoại. +Biết gọi điện cho đường dây nóng113,114,115, 111(bảo vệ trẻ em)

	<ul style="list-style-type: none"> + Biết gọi điện thoại cho bố, mẹ, cô giáo... Trò chơi : Bé Lạc đường - KNS: Làm gì khi bị lạc, Không nhận quà và đi theo người lạ..... - Bé phòng tránh đuối nước - KNS: Kỹ năng thoát hiểm khi có cháy
6. Biết hút thuốc lá là có hại và không gần người đang hút thuốc (CS26)	<ul style="list-style-type: none"> - Khi hỏi về tác hại của thuốc lá, trẻ trả lời: hút thuốc lá là độc/ hại. - Bày tỏ thái độ không đồng tình, ví dụ như: + Chú đừng hút thuốc vì có hại. + Chú đừng hút thuốc ở nơi đông người. + Chú ơi! hút thuốc sẽ bị ho/ ốm...đấy.... - Tránh chỗ có người hút thuốc.
7.. Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
b. Phát triển vận động	
8. Trẻ thực hiện thuần thục các động tác của bài tập theo hiệu lệnh hoặc nhịp của bản nhạc/bài hát, phát triển nhóm cơ và hô hấp	<ul style="list-style-type: none"> - Tập các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: +Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. +Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. +Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: +Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. +Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
9. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động : Đi, chạy	<ul style="list-style-type: none"> * Đi và chạy : - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối - Đi nối bàn chân tiến, lùi. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn) - Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x

	<p>0,35m</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi trên ván kê dốc (dài 2m, rộng 0,03m) một đầu kê cao 0,03m. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Chạy chậm khoảng 100-120m - Chạy nhấc cao đùi 4 - 4,5m - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh. - Chạy 18 m trong khoảng 10 giây
10. Trẻ kiểm soát được vận động: bò, trườn, trèo, bật, nhảy	<p>* Bò, trườn, trèo:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bò đích dắc qua 7 điểm. + Bò đích dắc bằng bàn tay, bàn chân qua 5 hộp cách nhau 60cm + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m- 5m + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 gióng thang <p>* Bật - nhảy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bật xa 40 - 50 cm. - Bật liên tục vào vòng. + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản cao 15-20 cm + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Nhảy lò cò 5m
11. Trẻ phối hợp tay mắt trong vận động : Tung, đập, ném , chuyền, lăn, bắt bóng	<p>* Tung, đập, ném , chuyền, lăn, bắt bóng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt - Đập bóng xuống sàn và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng - Lăn bóng bằng hai tay và đi theo bóng - Chuyền bắt bóng bên phải, bên trái - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném và bắt bóng với người đối diện - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay - Ném trúng đích nằm ngang bằng 2 tay
12. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Bật xa, chạy 18 m trong khoảng 10 giây - Bật vòng qua 5-6 điểm đích dắc(cách nhau 1,5m), Tung và bắt bóng. - Ném đích đứng- Chạy chậm khoảng 100-120m + Bật xa - Ném xa bằng 1 tay

	<ul style="list-style-type: none"> + Đi zic zắc- Bật qua vật cản + Đi trên ghế thể dục – chuyển bóng qua đầu, qua chân + Bật xa- Đi zic zắc- Ném trúng đích nằm ngang. + Bật sâu- Bò bằng bàn tay, cẳng chân- Ném trúng đích nằm ngang bằng 2 tay.
13. Trẻ thực hiện được các vận động; Phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mớ tuya) - Kỹ năng đan, nong, tết, thắt nơ
14. Trẻ tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút (CS 14)	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia tích cực trong các hoạt động - Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ, gật
2. Phát triển nhận thức	
a, Khám phá khoa học	
15. Trẻ thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh và đặt câu hỏi . - Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét, thảo luận về sự vật hiện tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường: + Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới) + Hay hỏi về những thay đổi / mới xung quanh. Vì sao? + Có thể có những hứng thú riêng (thích ô tô/ thích robot, thích búp bê...) - Quá trình phát triển của cây, hoa và điều kiện sống - Quá trình phát triển của con vật. - Những hiện tượng thiên nhiên - Bé lớn lên như thế nào? *Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể + Âm thanh xung quanh bé + Các giác quan kỳ diệu + Cơ thể bé và các bạn
16. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác

	<p>nhau: ví dụ: tạo vòng tròn to chúng ta cần nắm tay cùng tạo</p>
<p>17. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm thí nghiệm khoa học với một vài chất liệu nổi bật của các đồ dùng, đồ chơi trong gia đình: Gỗ, nhựa, kim loại, i-nốc, sắt, nhôm, vải, ni lông, xem vật nào nổi, vật nào chìm; Pha màu nước, nước bay hơi, một vài chất tan - Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. .. - Một số đặc điểm tính chất của nước - Bé biết gì về nước - Điều kỳ diệu của nước - Sự kỳ diệu của đất, đá, cát sỏi... - GDKNS: Bảo vệ nguồn nước
<p>18. Trẻ biết thu thập thông tin bằng nhiều cách khác nhau như xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nước và môi trường sống - Không khí, ánh sáng, và sự cần thiết của nó đối với đời sống con người, con vật, cây - Nhận biết đèn tín hiệu, biển báo giao thông. - Tìm hiểu Sự phát triển của cây, con vật qua thông tin hằng ngày, qua ti vi....
<p>19. Trẻ nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng quan sát</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi; So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng + Phân nhóm đồ vật theo chất liệu, (sứ thủy tinh, nhựa gỗ....., Một số đồ dùng gia đình (để ăn, để ồng, để sinh hoạt..) + Đặc điểm, công dụng của một PTGT và phân loại 2-3 dấu hiệu. - Phương tiện và Quy định giao thông đường bộ - đường sắt - PT và QĐGT đường thủy - đường hàng không - Phân nhóm các PTGT - Thực hành quy định giao thông - GDKNS: - Ngồi xe máy, xe đạp điện <li style="padding-left: 20px;">- Cách đội mũ bảo hiểm + Gọi tên, đặc điểm, lợi ích và tác hại của con vật, cây, hoa quả.

<p>20. Trẻ biết phân loại đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau</p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa quả. - Phân loại con vật, cây, hoa quả, ...theo 2-3 dấu hiệu. - Bé yêu cây xanh - Một số loại rau - củ - Một số loại quả - Những bông hoa đẹp - Động vật nuôi trong gia đình - Động vật sống dưới nước - Động vật sống trong rừng - Một số loại chim và côn trùng
<p>21. Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên (CS93)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây
<p>22. Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống (CS 94);</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của mùa đó. - Nêu được khác biệt cơ bản giữa hai mùa (hè với đông; mùa mưa với mùa khô) + Các mùa trong năm nơi trẻ sống + Mùa hè của bé
<p>23. Trẻ biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra (CS95)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng tự nhiên (Gió,mưa, sấm, chớp, cầu vồng ...)
<p>24. Trẻ nhận biết phân biệt được sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời; nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời; Các buổi trong ngày sáng, trưa, chiều, tối
<p>25. Trẻ biết được một số cách ứng phó và giảm nhẹ của hậu quả biến đổi khí hậu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trời mưa, gió, bão, lụt... không đi ra ngoài, không trú dưới gốc cây to hoặc dưới cột điện... - Che ô đội mũ khi đi ra ngoài nắng - Biến đổi khí hậu – suy nghĩ và hành động của bé. - Trồng cây xanh...
<p>26. Nhận biết một số vùng biển và hải đảo Việt Nam; - Một số nguyên nhân gây ô nhiễm/làm ảnh hưởng biển, hải</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biển đảo quê hương - Nguyên nhân gây ô nhiễm

đảo	
27. Trẻ biết được sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật, cây cối theo thời tiết, theo mùa.	- Thích nghi với sự thay đổi theo mùa
28. Trẻ biết được các nguồn nước trong môi trường sống. Trẻ biết được lợi ích của nước đối với con người, con vật và cây cối.	- Các nguồn nước và lợi ích của nước đối với con người, con vật và cây cối.
29. Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân-kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước - Bảo vệ môi trường xanh sạch
30. Trẻ biết không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	- Sự cần thiết đối với không khí ánh sáng - Tổ chức các hoạt động thử nghiệm, thí nghiệm ứng dụng Stem với nước, cát, gió, không khí, bay hơi, nam châm, ánh sáng...
31. Trẻ biết thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng - Xây dựng các “công trình” từ những khối xây dựng khác nhau. - Thể hiện qua các sản phẩm tạo hình qua các kỹ năng nặn, vẽ, xé, dán.... về con người, con vật, cây cối, PTGT... - Có những cử chỉ điệu bộ, vận động minh họa / nhảy múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô....
b, Khám Phá Xã hội	
32. Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tôi là ai? - Tôi và các bạn - Cơ thể tôi - Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh KNS: Dạy trẻ kỹ năng tự bảo vệ bản thân phòng chống xâm hại
33. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình; Nói được địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Mời bạn đến thăm gia đình tôi - Những ngày kỷ niệm đáng nhớ - Ngôi nhà thân yêu của bé - Các thành viên trong gia đình. - Nghề nghiệp của bố mẹ - Sở thích của các thành viên trong gia đình; - Quy mô gia đình(gia đình nhỏ, gia đình lớn). - Nhu cầu gia đình. - Địa chỉ gia đình(xóm, xã, huyện, tỉnh..); số điện thoại của bố mẹ... - Nhà bé ở đâu?

<p>34. Trẻ nói tên, địa chỉ, mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp; Nói tên, công việc của cô giáo, các bác công nhân, và họ tên các bạn trong lớp trong trường khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trường mầm non thân yêu - Lớp mẫu giáo của bé - Bé và các hoạt động trong trường mầm non - Các hoạt động, công việc của các cô bác trong trường.
<p>35. Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề phổ biến trong xã hội.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Tên gọi các nghề phổ biến, nghề truyền thống địa phương: - Một số nghề truyền thống ở địa phương: làm nước mắm, nghề đánh bắt thủy sản ... - Bé yêu bác nông dân + Một số nghề phổ biến quen thuộc - Cô Bàn hàng (thuộc nghề dịch vụ) - Nghề dịch vụ - Bé thích làm bác sỹ - Cô, chú công an - Cháu yêu cô, chú công nhân -Cháu yêu cô, chú bộ đội...
<p>36. Trẻ kể tên, nói về hoạt động nổi bật một số lễ hội và nêu một vài nét đặc trưng về danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Lễ hội: - Ngày khai giảng năm học mới - Bé vui đón tết trung thu - Ngày vui của bà, của mẹ 20/10 - Vui ngày hội cô giáo 20/11 - Vui ngày tết chú bộ đội - Tết và mùa xuân - Ngày tết quê em - Lễ hội đèn công - Vui ngày hội 8/3 - Mừng sinh nhật Bác 19/5 * Di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh: - Biển Diễn thành, Lèn hai vai, chùa cổ am, đền công; đền sò. Khu du lịch sinh thái Mường Thanh. - Diễn châu quê hương em - Biển cửa lò; Đảo ngư - Quảng trường Hồ Chí Minh - Đất nước Việt nam Diệu kỳ - Quê Bác...
<p>37. Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống (CS 97)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể, hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng/ trường học/nơi mua sắm/ khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến. - Trường tiểu học + Tham quan trường tiểu học

	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh viện điên châu - Tham quan doanh trại quân đội (Huyện đội) - Siêu thị Mường Thanh - Ủy ban nhân dân thị trấn Diễn châu
1. Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán	
38. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cái gì? Máy? là mấy? có bao nhiêu?Số mấy?.... - Đếm trên mọi đối tượng - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 - Đếm theo khả năng của trẻ - Các trò chơi luyện đếm
39. So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh số lượng 3 nhóm đối tượng - Đếm, tạo nhóm, nhận biết số lượng, số thứ tự : 6,7,8,9,10. - Các trò chơi ôn luyện đếm, tạo nhóm, nhận biết số lượng, số thứ tự trong phạm vi 10; - Thêm, bớt trong phạm vi 6,7,8,9,10 - Hoàn thành vở học toán về so sánh số lượng 3 nhóm đối tượng - Hướng dẫn trẻ thực hiện một số phép tính cộng trừ đơn giản trong phạm vi 10
40. Trẻ biết tách một nhóm đối tượng, gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	<ul style="list-style-type: none"> - Tách/gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 thành 2 nhóm.
41. Trẻ quan tâm đến các con số, nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm và nói đúng số lượng ít nhất đến 10 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) - Đọc được các chữ số từ 1 đến 9 và chữ số 0. - Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được
42. Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	<p>Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe, số điện thoại...)</p>
43. Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu; biết nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. Biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	<p>* Sắp xếp theo quy tắc</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan
44. Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả	<p>* Đo lường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật , so sánh và diễn đạt kết quả

	- Đo dung tích các vật so sánh và điền đạt kết quả đo
45. Trẻ biết gọi tên và chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật	<p>* Hình dạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và nhận dạng các khối đó trong thực tế - Nhận biết, phân biệt khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ - Nhận biết, phân biệt khối cầu – khối trụ, khối vuông – khối chữ nhật - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
46. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn	<p>* Định hướng trong không gian và TG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước, phía sau, phía trên, phía dưới, phía phải, phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
47. Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự (ví dụ: thứ hai, thứ ba, v..v..) - Nói được trong tuần những ngày nào đi học, ngày nào nghỉ ở nhà. - Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của các mùa - Nêu được khác biệt cơ bản giữa hai mùa (hè với đông; mùa mưa với mùa khô).
48. Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hằng ngày (CS 110)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân biệt hôm nay là thứ mấy và hôm qua, ngày mai là thứ mấy. - Nói được hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn/ mẹ dặn ngày mai làm việc gì. + Sắp xếp theo trình tự
49. Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ (CS 111)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì. - Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ (ví dụ: bây giờ là 2 giờ/ 3 giờ v..v..) Nói giờ trên đồng hồ + Trò chơi : chiếc nón kỳ diệu
3. Phát triển ngôn ngữ	
a. Nghe và hiểu lời nói	
50. Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể	<ul style="list-style-type: none"> Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp +Chơi theo nhóm +Thực hiện nhiệm vụ học tập theo yêu cầu +Trò chơi: khiêu vũ tập thể, nhảy sạp...

51. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát.	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...) + Những con vật đáng yêu + Cây xanh, một số loại hoa, quả + Phương tiện giao thông(đường bộ, đường sắt, hàng không)
52. Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. Nghe hiểu câu chuyện, ca dao đồng dao lứa tuổi của trẻ.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
53. Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2-3 hành động (CS 62)	- Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2-3 hành động
<i>b, Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày</i>	
54. Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người khác nghe có thể hiểu được	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự - kể lại sự việc theo trình tự - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.
55. Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật , hoạt động, đặc điểm ... phù hợp với ngữ cảnh.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh, tại sao, có cái gì giống nhau, do đâu mà có
56. Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	<ul style="list-style-type: none"> -Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép... khác nhau - Trả lời câu hỏi về nguyên nhân, so sánh, Có gì giống nhau, khác nhau, tại sao, như thế nào?
57. Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật.	<ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật + Trò chơi : Nói theo yêu cầu
58. Trẻ nghe, hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao, dành cho lứa tuổi của trẻ (CS 64).	<p>* <u>Truyện:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> -Chủ đề trường mầm non: Món quà của cô giáo (Phỏng theo truyện của Tú Anh), Mồ con đi học (Trần Thị Thu), Thỏ trắng biết nhận lỗi (Suu tầm), Mời bạn đến thăm, Gà tơ đi học
59. Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện.. trong nội dung truyện	<ul style="list-style-type: none"> -Chủ đề bản thân: Đôi tai xấu xí (theo báo Họa My); Câu chuyện của tay trái, tay phải (Lý Thị Minh Hà); Cháu rất nhớ bạn ấy (tranh truyện minh họa); Chuyện của dê con(tranh truyện minh họa)
60. Biết kể chuyện theo trình tự nhất định . Trẻ đóng được vai của	

<p>nhân vật trong truyện.</p>	<p>- Chủ đề gia đình: Ba cô gái (Truyện cổ Việt nam), Hai anh em (Truyện cổ Việt nam) , Aai đáng khen nhiều hơn(Phong Thu).Hai anh em gà con(Tranh truyện minh họa), cây khế</p> <p>-Chủ đề Động vật: Cá rô ron lên bờ (Nguyễn Đình Quảng);Đê con nhanh trí, Trí khôn của tao đây. Hươu con biết nhận lỗi (Trần Thị Ngọc Trâm); Con gà trống kiêu căng</p> <p>-Chủ đề ngành nghề: Thần sắt(truyện dân tộc Thái), Sự tích quả dưa hấu(Truyện cổ VN), Bác sỹ chim, Ba chú lợn con (Đặng Thu Quỳnh, Cao Ngọc Hà)</p> <p>-Chủ đề thực vật: Quả bầu tiên, Cây tre trăm đốt , Sự tích bánh chưng bánh dày (truyện cổ Việt nam),Dự tích cây khoai lang (Theo báo Họa My), Sự tích cây vú sữa(Theo Ngọc Châu), Sự tích hoa hồng, Hoa bìm bìm(Tranh truyện minh họa))</p> <p>- Chủ đề giao thông:</p> <p>-Qua đường Truyện tranh minh họa), Kiến thị AT GT, Xe lu Xe lu và xe ca, vì sao thỏ cụt đuôi (Phạm Hoàng Yến), Kiến con đi ô tô (Truyện tranh minh họa),, Thỏ con đi học (Đỗ Thị Ngọc Anh)</p> <p>-Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên: Giọt nước tí xíu(Nguyễn Linh), Nàng tiên bóng đêm (Vi Tiểu Thanh), Sơn tinh thủy tinh (Truyện cổ VN)</p> <p>- Chủ đề quê hương đất nước Bác Hồ:</p> <p>Sự tích Hồ Gươm (Phỏng theo truyền thuyết “Sự tích hồ Gươm); Niềm vui bất ngờ (Theo “Bác Hồ kính yêu, NXB Kim Đồng), con rồng cháu tiên(Võ Văn Trục), Chuyện ông gióng(Truyện cổ VN)</p> <p>* Thơ</p> <p>-Chủ đề trường mầm non: Cô giáo của em (Chu Huy) Bàn tay cô giáo (Định Hải) ,tình bạn (Trần Thị Hương).Thơ: trắng sáng(Trần Đăng Khoa); Cô và mẹ (Trần Quốc Toàn)..gà học chữ(Suu tầm)</p> <p>-Chủ đề bản thân: Đôi mắt của em, Tay ngoan (Võ Thị Như Chơn) ChiỐc băng (Phạm Thanh Quang), Xòe tay (Phong Thu); Em vẽ (tranh thơ minh họa); Chiếc bóng (Ph¹m Thanh Quang); Cánh hoa nở (Phạm Đình Ân), Bé chẳng sợ tiêm</p> <p>- Chủ đề gia đình: Vì con (Văn Long), Làm anh (</p>
-------------------------------	--

Phan Thị Thanh Nhàn), Giữa vòng gió thom (Quang Huy), Thương ông(Tú Mỡ), Cháu yêu bà(Võ Quang Vinh), Cô giáo của em (Chu Huy) , Bàn tay cô giáo (Định Hải).Quạt cho bà ngủ(Thạch quỳ) ; Bàn tay có nụ hôn(tranh thơ minh họa), Lâm Anh; Cháu dắt tay ông(tranh thơ minh họa),

- **Chủ đề ngành nghề:** Cái bátxinh xinh(Thanh Hà), Hạt gạo làng ta (Trần Đăng Khoa) , Chiếc cầu mới (Thái Hoàng Linh) , ước mơ của tí (Lê thị Ngọc Lễ), Chú bộ đội hành quân trong mưa (Võ Thùy Hương); Bé xếp nhà, Bát cơm ngày mùa (Tranh thơ minh họa)

-**Chủ đề Động vật:**

Hổ trong vườn thú(Vũ Quang Vinh), Con chim chiền chiện(huy cận, Đom đóm(Hoàng Hương), Mèo đi câu cá(Thái Hoàng Linh), Gà mẹ đếm con, Đàn vịt, Anh chuột chui, Cánh hoa nở (Tranh thơ minh họa)

-**Chủ đề thực vật:**

Cây dứa(Trần Đăng khoa), Hoa kết trái (thu Hà), Vòng quay luân chuyển(Miec ta Aghire), Hoa cúc vàng(Nguyễn văn Chung), Trồng cúc, Giàn gác, Lò chào của hoa, Cánh hoa nở(tranh thơ minh họa)

- **Chủ đề giao thông:**

Chúng em chơi giao thông(Tô Ngải), Chiếc cầu is9 thái Hoàng Linh), Cô dạy con 9 Bùi Thị Tình), Đèn giao thông(Mỹ trang), Bó hoa tặng cô(Ngô Quân Miệng), Đèn kiến nó đi, Tiếng động quanh em, Chiếc xe lu(tranh thơ minh họa), Chú cảnh sát giao thông, Cháu dắt tay ông(Phan Nguyễn Khuê

- **Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên:**

Mưa rơi(Minh Huệ), Trăng ơi từ đâu đến(trần Đăng Khoa), Mùa Xuân(Dương Khâu Luông), Gió(Xuân Quỳnh), Bờ tre đón khách, bình minh

-**Chủ đề QHDN- Bác Hồ- Trường tiểu học:**

Gà học chữ(Phan Trung Hiếu), ảnh bác 9 trần Đăng Khoa), Quê em vùng biển (Suu tầm), O tròn như quả trứng vịt(Duy Quế), Bé vào lớp 1, Giếng làng em, Hoa quanh lăng bác(Suu tầm),

- Nghe đọc các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao,

	tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
62. Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi. (CS 61)	<p>Nhận ra thái độ khác nhau (âu yếm, vui vẻ hoặc cáu giận) của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện - Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại chuyện hoặc kể lại một sự kiện. - Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói
63. Trẻ biết sử dụng được các từ: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng,... phù hợp với tình huống.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với các từ lễ phép: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng,... phù hợp với tình huống - Sử dụng các từ lễ phép, văn minh phù hợp với tình huống
64. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp: Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, khi người khác đang tập trung làm việc, khi đi thăm người ốm, nói thầm với bạn, bố mẹ.. khi trong rạp hát, đi xem phim cộng đồng
65. Trẻ biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát (CS117)	<ul style="list-style-type: none"> .- Đặt tên mới cho đồ vật / mở đầu / tiếp tục / kết thúc câu chuyện theo cách khác - Dựa trên bài hát / câu truyện quen thuộc thay 1 từ hoặc 1 cụm từ (Ví dụ: Hát “Mẹ ơi mẹ con yêu mẹ lắm” thay cho “Bà ơi bà cháu yêu bà lắm”. Ví dụ: trên cơ sở nội dung truyện Dê đen, dê trắng trẻ “Mèo đen, mèo trắng”, thay hành động húc nhau bằng cào nhau...
66. Trẻ sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân (CS 68)	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng ngôn ngữ để diễn đạt, cố gắng để người khác hiểu được cảm xúc của mình - Trao đổi chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động
67. Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện (CS 72)	- Mạnh dạn, chủ động trong giao tiếp
68. Trẻ chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ nét mặt, ánh mắt phù hợp (CS74)	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
<i>c. Làm quen với việc đọc viết</i>	

69. Trẻ biết chọn sách để "đọc" và xem. Biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách	<ul style="list-style-type: none"> - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Phân biệt phần mở đầu và phần kết thúc của sách. - “Đọc” được truyện tranh đã biết
70. Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh - Đóng kịch
71. Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống (CS 82)	<p>Nhận biết được các ký hiệu về đồ dựng của trẻ như: khăn mặt, tủ đựng quần áo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được kí hiệu về thời tiết, - Biết và tạo được tên của trẻ, - Nhận biết được ý nghĩa của các ký hiệu quen thuộc trong cuộc sống: bảng hiệu giao thông, quảng cáo, chữ viết, cấm hút thuốc, cấm lửa, Nhà vệ sinh, lối ra vào, cấm lửa, biển giao thông: đường cho người đi bộ... - Nhận biết được các nhãn hàng hóa.
72. Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	<ul style="list-style-type: none"> - Tô các nét cơ bản - Tô các dấu - Làm quen với chữ cái: o ô ơ; a ã â; e ê; u ư; i t c; m n; b d đ; h k; p q; l h k; g y; s x; v r - Trò chơi với chữ cái: o ô ơ; a ã â; e ê; u ư; i t c; m n; b d đ; h k; p q; l h k; g y; s x; v r - Ôn các nhóm chữ cái
73. Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	<p>Sao chép tên của bản thân theo trật tự cố định trong các hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện trong vở làm quen chữ cái.
4. Phát triển thẩm mỹ	
74. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và nghệ thuật.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng. - Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) Theo bài hát, bản nhạc. - Thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ, và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng,...) của các tác phẩm tạo hình.
75. Trẻ hát đúng giai điệu, lời	Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc :

<p>ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ....</p>	<p>* Dạy hát (vận động) - Chủ đề trường MN: Mái trường nơi học bao điều hay (Bùi An tôn), niềm vui đến trường(Thanh Xuân); Ngày vui của bé (Tác giả Hoàng Văn Yến), Trường mẫu giáo yêu thương (Hoàng Văn Yến), Rước đèn Dưới trăng (Đỗ Mạnh Thường), Vườn trường mùa thu (Cao Minh Khanh), Nắm tay thân thiết (Nhạc hàn quốc), Những khúc nhạc hồng(Trần Xuân Mẫn), Đường và chân (Hoàng Long)</p>
<p>76. Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa). Biết cách sử dụng các nhạc cụ</p>	<p>- Chủ đề bản thân: Cái mũi (Thu Hiền - Lê Đức), Mừng sinh nhật (Đào Ngọc Dung) , Mời bạn ăn (Trần Ngọc), Năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thụ), Tập rửa mặt(Hồng Đăng, gà gáy vang dậy bạn</p>
	<p>- Chủ đề gia đình: Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh), Bé quét nhà(Trần Đức Hậu), Nhà của tôi(thu Hiền), Gánh gánh gồng gồng(Phạm Tuyên), Cô giáo (Nhạc: Đỗ mạnh thường, Thơ: Nguyễn Hữu Tường), Có ông bà- có ba má (Sông Trà) ; Thiên đường búp bê (Nhiều tác giả), Nhà mình rất vui(Sông trà), Ông cháu(Phong Nhã)</p> <p>- Chủ đề ngành nghề: Là đầu bếp(Trần chinh), Ngôi nhà mới(mộng lân), Ai làm ra mùa vàng(Trần chinh), Cháu yêu cô chú công nhân(Hoàng Văn Yến), Cháu yêu cô thợ dệt(Thu Hiền), Bác đưa thư vui tính(Haongf lân), Lớn lên chầu lái máy cày(Kim Hữu), Chú bộ đội đi xa(hoàng vân), Chú bộ đội đảo xa(Trần Xuân Tiến), Gác trăng 9 Hoàng Văn yến)</p> <p>- Chủ đề động vật: Chú voi con ở Bản đôn(Phạm Tuyên), Chim chích bông (Nhạc: Văn Dung – Thơ: Nguyễn Viết Bình), con chim vành khuyên (Hoàng Vân), Chú mèo con (Nguyễn Đức Toàn); Vì sao chim hay hót(Nguyễn Hà Hải), gà mẹ đếm con, làm chú chuồn chuồn(Trần chinh), Cua và cò(bụi An tôn), Gà gáy le te(DC Cống khao), con cào cào (Nhạc: Phạm Tuyên · Thơ : Đom Đóm)</p> <p>- Chủ đề thực vật – Tết và mùa xuân Hoa trường em(dương Huy Bang), Vào rừng Hoa(việt Anh), Em yêu cây xanh, Mùa Xuân(Hoàng Văn yến), Lá xanh 9 thái cơ), Quả (Xanh xanh), Bầu và bí (Phạm tuyên), Hoa Két Trái(Nhạc: Thu Hà, nhạc: Phạm Thị sửu), Em thêm một tuổi(Trương Quang Lục), Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân),</p>

	<p>Xúc xắc xúc xẻ (trần văn việt).Bánh chung xanh</p> <p>- Chủ đề giao thông: Em là công an tý hon(Trần xuân Tiến); Lái máy bay (Xuân giao), đường em đi (Nhạc: Ngô Quốc Tính, Lời: tường Vân), Em đi qua ngx tư đường phố(hoàng Văn yên), Em đi chơi thuyền(Trần Kiệt tường), Bác đưa thư vui tính(Hoàng Lâm), Ngày vui 8/3(Hoàng Văn Yên), Cô dạy bé bài học giao thông(Lâm trọng tường)</p> <p>- Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên: Nắng sớm(Hàn ngọc Bích), Mây và gió(Minh Quân), Đếm sao(Văn chung), Cho tôi đi làm mưa với(hoàng Văn Yên), Trời nắng trời mưa(Đặng nhất), Mùa hè đến(Nguyễn Thị Nhung)</p> <p>- Chủ đề: Quê hương đất nước Bác Hồ , trường tiểu học: Tạm biệt búp bê(Hoàng Thông), Cháu vẫn nhớ trường MN(Hoàng Vân), Dâng hoa lên ông và bác(Phan Huỳnh Điểu), Yêu hà nội (Bảo Trọng), Múa với bạn tây nguyên(Phạm tuyên)</p> <p>* Biểu diễn văn nghệ</p>
<p>77. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện</p>	<p>* Nghe hát:</p> <p>- Chủ đề: Trường mầm non</p> <p>- Ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiện), Em yêu trường em (Hoàng Vân), Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên), Cô giáo (nhạc Đỗ Mạnh Thường – thơ Nguyễn Hữu Tường); Xếp hình chữ cái(Vũ Minh Vỹ); Bài ca cô giáo trẻ(Phạm Đăng Khương) Mầm non hạnh phúc thân yêu.</p>
<p>78. Trẻ Nghe và biết nhận ra giai điệu (Vui, êm dịu, buồn) của bài hát, bản nhạc.</p>	<p>- Chủ đề: Bản thân</p> <p>- Ru em (Dân ca Xê đăng), Ru con (Dân ca Nam bộ), Trái đất này là của chúng mình (nhạc Trương Quang Lục – thơ Định Hải), con chim vành khuyên (Hoàng Vân).</p> <p>- Chủ đề: Gia đình</p> <p>Ngôi nhà nhỏ, hạnh phúc to(Văn Chung), Mẹ ơi có biết (Nguyễn Văn Chung), bài học lễ phép(Nguyễn Văn Chung); Nhà là nơi(Nguyễn Hải Phong); Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công sơn), Ru con(dân ca am bộ), Cho con(Phạm trọng cầu), Chỉ có một trên đời(Trương Quang Lục), Bó là tất cả(Thập Nhất), Niềm vui gia đình(hoàng Vân), Ba ngọn nến lung linh(Ngọc lễ), Bàn tay mẹ(Bùi Đình Thảo)</p>

- Chủ đề: Ngành nghề

Xe chỉ luân kim (DCQHBN), Hạt gạo làng ta(Thơ: Trần Đăng Khoa, nhạc: Bùi Đình Thảo), Đi cây(DC Thanh Hóa), Anh phi công ơi(Vũ Thanh), Hát về đảo xa (Trần Xuân Tiên), Ba em là công nhân lái xe(Trần xuân Tiên), màu áo chú bộ đội (Trần Xuân Tiên)

- Chủ đề: Thế giới Động Vật

Lý con sáo, Lý con sáo gõ công(DC Nam bộ), cò lả(Dc Đồng Bằng BB), Lợn tròn lợn khéo (Văn Chung), Tôm cá cua thi tài(Hoàng Thị Dung), Chị em nâu và em bé (tân Huyền)

- Chủ đề: TGTV – Tết và mùa xuân

Ra chơi vườn hoa (Văn Tấn), Hoa thơm bướm lượn(DCQHBN), Hoa trong vườn(DC Thanh Hóa), Hạt gạo làng ta(Nhạc: Việt Bính, Thơ: Trần Đăng Khoa), Lý cây bông (DC Nam Bộ), Cây trúc Xinh (DC QHBN), Vườn cây của ba(Phan Nhân, Nguyễn Duy); Đi cây (DC Thanh Hóa), Mùa Xuân(Nguyễn Ngọc Thiện), Ngày tết quê em (Từ huy); Ngày xuân long phụng sum vầy

- Chủ đề: Phương Tiện và quy định giao thông

Anh phi công ơi(Nhạc: Xuân Giao, thơ: Xuân Quỳnh), Ngồi tựa mạn thuyền(DCQHBN), Cô dạy bé bài học giao thông(Lâm trọng Tường), Chúng em chơi ATGT(Lâm trọng Tường)

- Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên

Mưa rơi(Dân ca xá), Phao bơi, Lý chiều chiều(Dân ca Nam Bộ), Ánh trăng hòa bình(Nhạc: Hồ Bắc, Lời: Mộng Lân), Ma bóng mây(Tô đông Hải), Tiếng ve gọi hè (Trịnh công Sơn)

- Chủ đề: Quê Hương, Đất nước, Bác Hồ - Trường tiểu học

Em yêu trường em(hoàng Vân), Bài ca đi học(Phan Trần Bảng), Quê hương(Nhạc: giáp văn Thạch, Thơ: Đỗ Trung Quân), Việt nam quê hương tôi(Đỗ Nhuận), Những bông hoa trong vườn bác(Văn Dung), yêu hòa bình(Nguyễn Đức Toàn), Ai yêu bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng(Phong Nhã), Bác Hồ người cho em tất cả(, đêm nghe hát đờ đưa nhớ bác(An Thuyên) , Lời bác dặn trước lúc đi xa(Trần Hoàn) , Bác Hồ một tình yêu bao la (Thuận Yến)

	<p>Niềm vui đến trường(Thanh Xuân),Mái trường mến yêu(Lê Quốc Thắng) , Châu vẫn nhớ trường mầm non(Hoàng Lân) , Nhớ ơn thầy cô(Nguyễn Ngọc Thiện) , Cô ơi(Trần Thanh Tùng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân ca tự chọn - Biểu diễn văn nghệ <p>* TCAN: Tai ai tinh, giọng hát to- giọng hát nhỏ, - Tiếng hát ở đâu, hát theo hình vẽ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tai ai tinh, Bao nhiêu bạn hát - Nghe tiếng hát tìm đồ vật, Ai nhanh nhất, Ô số bí ẩn, hãy làm theo hiệu lệnh, Ai đoán giỏi, Nghe giai điệu đoán tên bài hát - Solmi, bé làm nhạc trưởng, tập xướng âm, Vũ điệu quê hương, Nhảy theo vũ điệu.... <p>* Nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe, kể câu chuyện và bộc lộ cảm xúc phù hợp</p>
<p>79.Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Chủ đề TMN: - Vẽ tô màu đồ chơi trong trường mầm non - Trang trí rèm cửa lớp học - Vẽ cô giáo - Cắt, dán đồ chơi; - Cắt dán găng tay - Nặn đồ dùng đồ chơi * Chủ đề bản thân: - Vẽ chân dung bạn. - Nặn hình bé tập thể dục - Cắt dán áo bạn trai bạn gái - Trang trí khăn quàng cổ - Nặn theo ý thích - Vẽ các loại quả giàu vitamin. * Chủ đề gia đình: - Làm găng tay; Làm đồng hồ đeo tay - Cắt dán ngôi nhà từ các hình hình học - Vẽ cái nồi/ soong - Vẽ chân dung người thân trong gia đình - Vẽ cái cốc - Nặn cái làn - Nặn đồ dùng trong gia đình - Làm cà vạt tặng bố - Cắt dán tủ quần áo * Chủ đề ngành nghề: - Vẽ cô giáo - Vẽ đồ dùng dụng cụ nghề nông

	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ trang trí cái cốc - Vẽ tranh tặng chú bộ đội bảo vệ biển đảo - Cắt dán hình ảnh một số nghề - Nặn đồ dung, dụng cụ, sản phẩm một số nghề * Chủ đề thực vật: - Xé, dán cây ăn quả - Tạo hoa bằng dầu vân tay - Nặn rau, củ, quả - Gấp hoa sen - Trang trí tán lá cây; - Trang trí bưu thiếp ngày tết * Chủ đề động vật: - Vẽ con gà trống - Xé, dán đàn cá - Cắt, dán động vật sống trong rừng - Nặn con các vật - Làm con gà, con cá,... - Vẽ theo ý thích - Làm mô hình thế giới đại dương; Làm con cá * Chủ đề giao thông: - Cắt dán ô tô - Xé dán cột đèn hiệu giao thông - Vẽ tàu, thuyền trên biển - Làm ô tô - Xé, dán mây - Gấp thuyền - Nặn theo ý thích * Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên: - Vẽ trang phục theo mùa theo ý thích - Làm mưa ngũ sắc - Xé dán mây * Chủ đề quê hương đất nước Bắc Hồ, trường tiểu học: - Vẽ cảnh quê hương em - Vẽ cảnh biển - Xé, dán bức tranh phong cảnh - Vẽ vườn hoa lăng Bác - Vẽ đồ dùng học tập - Vẽ, tô màu trường tiểu học - Cắt dán đồ dùng học tập - Nặn theo ý thích - Làm tranh cát
80. Trẻ biết phối hợp và lựa	- Tìm kiếm, lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu

chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	<p>tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm dây hoa trang trí lớp học - Làm hình người bé tập thể dục từ rom rạ, lá cây... - Làm quà tặng cô giáo (tặng bà, tặng mẹ...) - Làm đồ dùng trong gia đình - Làm đồ dùng, dụng cụ sản phẩm một số nghề - Làm con vật từ nguyên vật liệu thiên nhiên - Làm rau củ quả - Làm bánh chưng, bánh tét - Làm quà tặng chú bộ đội - Làm biển báo, phao bơi - Làm một số PTGT - Làm chong chóng - Làm một số đặc sản quê hương...
81. Trẻ biết nhận xét và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc đường nét, hình dáng, bố cục
82. Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (Âm nhạc, tạo hình)	<ul style="list-style-type: none"> - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích. - Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu chậm - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích . - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

5 . Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
a. Phát triển tình cảm	
83 Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc số điện thoại	<ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện đàm thoại cùng với trẻ - Trao đổi với phụ huynh
84. Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc làm được và những việc không làm được	<ul style="list-style-type: none"> - Sở thích và khả năng của bản thân + tổ chức sinh nhật, vui chơi. - Điểm giống và khác nhau của mình với bạn.
85. Trẻ biết nhận ra việc của mình làm có ảnh hưởng đến người khác	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học * Kỹ năng sống + Dạy trẻ lễ phép khi ở nhà, khi có khách đến nhà + Lịch sự nơi công cộng + Những việc nên làm và không nên làm trong các hoạt động
86. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ cất đồ dùng đồ chơi gọn gàng - giờ ăn biết bày bàn ăn

	-giờ ngủ biết cất chiếu , gối Kỹ năng sống: Bé biết làm gì
87. Thể hiện sự tự tin, tự lực: khi làm một số việc đơn giản và thực hiện công việc được giao.	-Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày + Rửa tay , lau mặt, dọn bàn ghế chiếu , gối.. -Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao +Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi Kỹ năng sống : tự tin chôn đống người
88. Trẻ nhận biết và thể hiện Một số trạng thái cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh : cảnh đẹp di tích lịch sử, nét văn hóa truyền thống...	- Nhận biết cảm xúc vui buồn sợ hãi ,tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt,lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh. - Biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui,buồn , sợ hãi,ngạc nhiên... - Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, kể chuyện. - Thể hiện tình cảm với chú bộ đội, cô chú công nhân, bác nông dân... - Biết một số cảnh đẹp,lễ hội quê hương đất nước.
b. Phát triển kỹ năng xã hội	
89. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Khi chơi không tranh giành đồ chơi,Sau khi chơi xếp cất đồ chơi đúng nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn vâng lời ông bà bố mẹ, cô giáo. Kỹ năng sống: không nhận quà và đi theo người lạ
90. Trẻ thực hiện được một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.; chủ động giao tiếp chia sẻ cảm xúc , sẵn sàng giúp đỡ người khác, chơi thể hiện sự thân thiện.	- Chào hỏi lễ phép; biết nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở - Chờ đến lượt khi được nhắc nhở. - Biết trao đổi thỏa thuận với bạn. - Chủ động giao tiếp, hợp tác với bạn - Chia sẻ cảm xúc, sẵn sàng giúp đỡ bạn - Chú ý nghe cô nói, bạn nói, chơi với bạn - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
91. Kính yêu Bác hồ	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ,lăng Bác Hồ,Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát,đọc thơ,cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Nhận ra Hình ảnh bác được đặt một số địa điểm trang trọng như Quảng trường Hồ Chí Minh, hội trường...

92. Quan tâm đến di tích lịch sử,cảnh đẹp,lễ hội của quê hương đất nước.	- Biết một số cảnh đẹp,lễ hội của quê hương , đất nước.
93. Trẻ biết quan tâm đến môi trường .	<p>- Nhận xét tỏ thái độ với hành vi đúng sai tốt xấu đối với môi trường.</p> <p>- Kỹ năng sống : Bỏ rác đúng nơi quy định và Phân Loại Rác; Nhắc nhở các hành vi sai</p> <p>- Kỹ năng sống: Chăm sóc bảo vệ cây, con vật quen thuộc.</p> <p>- Kỹ năng sống: Giữ gìn vệ sinh môi trường.trong gia đình , trường học và nơi công cộng</p>
94.Trẻ có những hành vi tiết kiệm trong sinh hoạt	- Tiết kiệm điện, nước không để nước tràn khi rửa tay, tắt quạt tắt điện khi ra khỏi phòng...
Tin học (Thực hiện trong các lĩnh vực PTNN, PTTM, PTNT)	
95.Tin học: Sử dụng được một số thiết bị công nghệ an toàn, đúng cách	Thực hiện đúng một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính...
Giáo dục tăng cường	
<p>96.Tiếng Anh: Trẻ phát âm và đọc từ (kèm hình ảnh) đơn giản về con vật đồ vật,màu sắc, thành viên gia đình, cô giáo, số, bảng chữ cái</p> <p>Biết chào hỏi,đơn giản bằng tiếng anh.</p> <p>Hát theo một số bài hát đơn giản</p>	<p>Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 150 từ, cụm từ;</p> <p>- Nghe số từ 1 đến 10;</p> <p>- Nghe và làm theo 2 đến 3 yêu cầu liên tiếp đơn giản, quen thuộc;</p> <p>- Nghe và trả lời bằng 1 -3 từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về khả năng và sở thích;</p> <p>- Nghe và phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời ngắn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác;</p> <p>- Nghe và thực hiện hướng dẫn khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi;</p> <p>- Nghe bài văn vần, bài thơ, bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.</p> <p>- Nghe nội dung truyện tranh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.</p> <p>Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 150 từ, cụm từ;</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ, cụm từ và một số mẫu câu quen thuộc trong phạm vi từ vựng được làm quen; - Trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-3 từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về khả năng và sở thích; - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời ngắn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác. - Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản, phù hợp với tình huống giao tiếp; - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Nhắc lại một số câu vắn, câu thơ đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Hát theo một số bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Trả lời câu hỏi về một số tình tiết rất đơn giản theo trình tự của truyện đã được nghe; <p>Làm quen với đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với 1-5 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường; - Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen; - Xem truyện tranh và kể chuyện qua tranh. <p>Làm quen với viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập tô màu một số nét, chữ cái, từ tiếng Anh quen thuộc.
<p>97. Múa, nhảy: Trẻ biết được các động tác múa nhảy, biết phối hợp với các bạn một cách nhịp nhàng để hoàn thành màn biểu diễn một cách tốt nhất.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy erobich.... - Múa hiện đại, dân gian.... <p><i>Các bài học trong chương trình “Múa”: Các thế tay, chân cơ bản; múa với các bài hát Các bài học trong chương trình</i></p>
<p>98. Võ: Trẻ nắm được phương pháp vận hông gác chân, các động tác đá văng chân, trung bình tấn, bước tại chỗ, tập đâm lao, Học chém lồi 1, lồi 2.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập vận hông gác chân - Học chém lồi 1 - Tập đá văng chân về phía trước - Chém lồi 1 kết hợp đỉnh tấn, trung bình tấn - Tập chém lồi 2 - Luyện đi bước nhỏ tại chỗ -Tập đâm lao

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">- Kết hợp chém lồi 1 và chém lồi 2- Bài tập tổ hợp |
|--|---|